

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04/04/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

V/v “Ly hôn ”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Vào ngày 04/04/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2018/TLST – HN&GD ngày 20 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 6/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 20/3/2019 về yêu cầu “ Ly hôn ” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nhữ Văn H, sinh năm 1947.

Trú tại: Phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện tại: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Ông H có mặt.)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950.

Trú tại: Phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện tại: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp ; Lao động tự do.

Ông H có mặt, Bà V vắng mặt (đã triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Tại đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Nhữ Văn H trình bày: Ông và bà V kết hôn với nhau vào năm 1982 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (hiện nay giấy chứng nhận kết

hôn đã mất sau khi kết hôn ông và bà V chung sống tại phố N, thị trấn N, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau thời gian sống hạnh phúc khoảng 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm không thể hàn gắn đến năm 2010 thì vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Ông H thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông H và bà V không có con chung. Bà V có một con riêng đã trưởng thành xây dựng gia đình riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn giữa ông: Nhữ Văn H và bà Nguyễn Thị V. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nhưng bà V vắng mặt không có lý do mặc dù bà đang ở phố T, thị trấn N. Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được giao cho bà V, nhưng bà V không nhận. Vì vậy Tòa án và Ủy ban nhân dân thị trấn N đã lập biên bản ghi nhận việc bà V từ chối nhận các văn bản tố tụng và tiến hành niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định của Pháp luật đến ngày 6/3/2019 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. Về hôn nhân: Theo lời khai của ông H cũng như kết quả điều tra, xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn N thì Ông H và bà V có đăng ký kết hôn, nhưng khi kiểm tra thì không còn lưu trong hồ sơ. Dù vậy theo quy định của pháp luật không đủ cơ sở pháp lý để khẳng định là hai người có đăng ký kết hôn. Nhưng theo quy định của pháp luật những trường hợp nam nữ chung sống như vợ chồng trước tháng 1 năm 1987 mà không đăng ký kết hôn được coi là chung sống như vợ như chồng. Do đó Hội đồng xét xử sẽ ra bản án xử ly hôn giữa ông H và bà V như là việc ly hôn của vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp để hai người sớm ổn định cuộc sống. Từ thực tế cuộc sống tình cảm giữa ông H và bà V thì hai người không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ cũng vậy nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H với bà V (áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình).

4. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Ông Nhữ Văn H và bà Nguyễn Thị V không có con chung nên không phải giải quyết.

5. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản và công nợ chung giữa ông H và bà V sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

6. Về án phí ly hôn: Ông H không phải nộp theo quy định của Pháp luật vì ông là người cao tuổi (áp dụng Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000).

□p dụng: Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

□p dụng: Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Văn H.

1. Xử lý hôn giữa ông Nhữ Văn H và bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Không giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung : Không giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: ông Nhữ Văn H không phải nộp.

Án xử sơ thẩm công khai ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Đường sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hà Minh Lực

